

# KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

## QUYỂN XXVI

### Phẩm 23: BỒ TÁT SƯ TỬ HỒNG 2

Này thiện nam! Lại có mắt thấy, chư Phật Như Lai và Bồ-tát Thập Trụ mắt thấy Phật tánh. Lại có nghe thấy, tất cả chúng sinh cho đến Bồ-tát Cửu Địa nghe thấy Phật tánh. Bồ-tát nếu nghe tất cả chúng sinh đều có Phật tánh mà lòng chẳng tin thì chẳng gọi là nghe thấy.

Này thiện nam! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào muốn thấy Như Lai thì cần phải tu tập mười hai bộ loại kinh điển, thọ trì, đọc tụng, sao chép, giảng nói.

Đại Bồ-tát Sư Tử Hồng bạch:

–Bạch Thế Tôn! Tất cả chúng sinh chẳng thể biết được tâm tướng của Như Lai thì phải quan sát thế nào để được biết?

–Này thiện nam! Tất cả chúng sinh thật chẳng thể biết tâm tướng của Như Lai. Nếu muốn quan sát để biết được thì có hai nhân duyên: một là mắt thấy, hai là nghe thấy. Nếu thấy thân nghiệp của Như Lai thì phải biết đó chính là Như Lai. Đó gọi là mắt thấy. Nếu quan sát khẩu nghiệp của Như Lai thì phải biết đó chính là Như Lai. Đó gọi là nghe thấy. Nếu thấy sắc mao mà tất cả chúng sinh không ai bằng thì phải biết đó chính là Như Lai. Đó gọi là mắt thấy. Nếu nghe âm thanh vi diệu tối thắng mà âm thanh của chúng sinh chẳng bằng thì phải biết đó chính là Như Lai. Đó gọi là nghe thấy. Nếu thấy thân thông Như Lai biểu hiện thì xem có phải là vì chúng sinh hay vì lợi dưỡng, nếu vì chúng sinh chẳng vì lợi dưỡng thì phải biết đó chính là Như Lai. Đó gọi là mắt thấy. Khi xem Như Lai dùng tha tâm trí quan sát chúng sinh là vì lợi dưỡng hay vì chúng sinh nói

pháp, nếu vì chúng sinh, chẳng vì lợi dưỡng thì phải biết đó chính là Như Lai. Đó gọi là nghe thấy. Như Lai thọ thân như thế nào, vì sao thọ thân, vì ai thọ thân, thì đó gọi là mắt thấy. Nếu quan sát Như Lai thuyết pháp như thế nào, vì sao nói pháp, vì ai nói pháp, thì đó gọi là nghe thấy. Dùng nghiệp ác của thân gia hại mà chẳng sân hận thì phải biết đó là Như Lai. Đó gọi là mắt thấy. Dùng nghiệp ác nơi miệng gia hại mà chẳng sân hận thì phải biết đó là Như Lai. Đó gọi là nghe thấy. Nếu thấy Bồ-tát khi mới sinh, đối với mười phương mỗi phương đều đi bảy bước, đại tướng quý thần Ma-ni-bạt-đà, Phú-na-bạt-nan-đà cầm cờ phướn, lọng báu, chấn động vô lượng vô biên thế giới, ánh sáng vàng chói sáng cùng khắp trong hư không, vua rồng Nan-đà và Bạt-nan-đà dùng sức thần thông tắm rửa thân Bồ-tát, hình tượng chư Thiên nghênh đón, lễ bái, tiên A-từ-đà chấp tay cung kính, tuổi trẻ bỏ dục như nhỏ bỏ nước bọt, chẳng bị sự mê hoặc của cái vui thế tục, xuất gia tu đạo, ưa thích nhàn tịch, vì phá tà kiến, sáu năm khổ hạnh, đối với các chúng sinh bình đẳng không hai, tâm thường tại định, không bị tán loạn, tướng tốt trang nghiêm, trang sức thân mình, đi qua chỗ nào gò đồng đều bằng phẳng, y phục rời thân bốn tấc chẳng rơi, khi đi nhìn thẳng, chẳng quay nhìn trái, phải, thức ăn là vật không có tội lỗi, rời khỏi chỗ ngồi cỏ chẳng động chẳng rời, vì điều phục chúng sinh nên đến nói pháp mà lòng không kiêu mạn thì đó gọi là mắt thấy. Hoặc nghe Bồ-tát đi bảy bước đã xướng lên: “Thân này của ta hôm nay là thân sau cùng”. Nghe tiên A-từ-đà chấp tay nói: “Đại vương phải biết, Thái tử Tất Đạt nhất định được thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nhất định chẳng ở nhà làm Chuyển luân vương. Vì sao? Vì tướng sáng tỏ, còn tướng của Chuyển luân Thánh vương chẳng sáng tỏ. Thân tướng của Thái tử Tất Đạt sáng tỏ. Vậy nên nhất định đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. Bồ-tát thấy lão, bệnh, tử nói: “Tất cả chúng sinh rất đáng thương xót. Họ thường cùng với sinh, già, bệnh, chết như vậy đuổi theo nhau mà chẳng thể quan sát. Họ thường đi với khổ, ta sẽ đoạn trừ”. Từ tiên nhân ngũ thông A-la-la thọ định Vô tướng, sau khi đã thành tựu rồi thì nói: “Định ấy chẳng phải”. Từ tiên nhân Uất-đà thọ định Phi hữu tướng phi vô tướng, khi đã thành tựu rồi thì nói:

“Chẳng phải Niết-bàn mà là pháp sinh tử”. Sáu năm khổ hạnh không đạt được gì, liền nói: “Tu hạnh khổ này rộng không không sở đắc. Nếu là thật thì ta đáng lẽ đã đắc. Nhưng do hư vọng nên ta không sở đắc. Đó là tà thuật, chẳng phải chánh đạo”. Bồ-tát đã thành đạo rồi, Phạm thiên khuyến thỉnh: “Nguyện xin Như Lai vì chúng sinh khai mở cam lồ, nói pháp vô thượng”. Đức Phật nói: “Này Phạm vương! Tất cả chúng sinh thường bị sự ngăn che của phiền não, chẳng thể thọ nhận lời nói chánh pháp của Ta”. Phạm vương lại nói: “Thưa Thế Tôn! Tất cả chúng sinh thường có ba loại là lợi căn, trung căn và độn căn. Hạng lợi căn có thể thọ, nguyện xin Như Lai vì họ diễn nói!”. Đức Phật dạy: “Này Phạm vương! Hãy lắng nghe! Lắng nghe! Ta nay sẽ vì tất cả chúng sinh mở cửa cam lồ”. Phật liền ở nước Ba-la-nại, chuyển bánh xe chánh pháp, tuyên nói trung đạo: “Tất cả chúng sinh chẳng phải phá các kiết, chẳng phải chẳng thể phá, chẳng phải phá chẳng phải chẳng phá nên gọi là trung đạo; chẳng độ chúng sinh, chẳng phải chẳng độ thì đó gọi là trung đạo; chẳng phải tất cả thành, cũng chẳng phải chẳng thành thì đó gọi là trung đạo; phàm có nói điều gì chẳng tự nói là thầy, chẳng nói là đệ tử thì đó gọi là trung đạo; nói chẳng vì lợi mà chẳng phải chẳng được quả thì đó gọi là trung đạo; nói đúng nói thật, nói phải lúc, nói chân thật, nói chẳng hư dối mà vi diệu đệ nhất”. Những pháp như vậy gọi là nghe thấy. Này thiện nam! Tướng của tâm Như Lai thật không thể thấy. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào muốn thấy Như Lai thì nên nương vào hai thứ nhân duyên này.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Như Lai đã nói, quả Am-la dụ cho bốn thứ người v.v... Có người hành động tinh tế mà lòng chẳng chánh thật, có người lòng không tinh tế mà hành động chánh thật, có người lòng tinh tế mà hành động cũng chánh thật, có người lòng chẳng tinh tế mà hành động cũng chẳng chánh thật. Hai thứ người này làm sao có thể biết? Như lời Phật nói, chỉ nương vào hai thứ nhân duyên đó chẳng thể biết được.

Đức Phật dạy:

–Hay thay! Hay thay! Nay thiện nam! Quả Am-la dụ cho hai hạng người v.v... thì thật khó có thể biết. Do khó nên biết trong kinh Ta nói, phải cùng ở chung. Nếu ở chung mà chẳng biết thì phải cùng ở lâu. Ở lâu mà chẳng biết thì phải dùng trí tuệ. Trí tuệ mà chẳng biết thì phải quan sát sâu. Do quan sát sâu nên biết kẻ trì giới và người phá giới. Nay thiện nam! Đủ bốn việc này: Ở chung, ở lâu, trí tuệ, quan sát, sau đó biết được trì giới hay phá giới. Nay thiện nam! Giới có hai thứ, người trì giới cũng có hai thứ, một là cứu cánh, hai là chẳng cứu cánh. Có người do nhân duyên nên thọ trì giới cấm. Người trí phải quan sát, người này trì giới là vì lợi dưỡng hay là vì cứu cánh? Nay thiện nam! Giới cấm của Như Lai thì không có nhân duyên. Vậy nên được gọi là giới cứu cánh. Do nghĩa này nên Bồ-tát tuy bị các chúng sinh ác làm tổn hại nhưng không sinh sân si. Vậy nên Như Lai được gọi là thành tựu trì giới rốt ráo, trì giới cứu cánh. Nay thiện nam! Một thuở trước đây, Ta cùng Tôn giả Xá-lợi-phất và năm trăm đệ tử đều cùng dừng chân tại đại thành Chiêm-bà của nước Ma-già-đà, có người thợ săn truy đuổi một con bò câu. Con bò câu này kinh sợ đến núp dưới bóng Tôn giả Xá-lợi-phất mà còn run lẩy bẩy như cây chuối. Nó đến núp trong bóng của Ta thì thân tâm yên ổn, nổi kinh sợ không còn nữa. Vậy phải biết, Như Lai Thế Tôn rốt ráo trì giới, thậm chí bóng của thân còn có sức lực này. Nay thiện nam! Chẳng rốt ráo trì giới còn chẳng thể đắc Thanh văn, Duyên giác, huống gì là có thể đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại có hai thứ, một là vì lợi dưỡng, hai là vì chánh pháp. Vì lợi dưỡng nên thọ trì giới cấm thì phải biết giới này chẳng thấy Phật tánh và Như Lai. Tuy chỉ nghe danh Phật tánh và Như Lai thôi mà còn chẳng được gọi là nghe thấy. Nếu vì chánh pháp thọ trì giới cấm thì phải biết người trì giới này có thể thấy Phật tánh và Như Lai. Đó gọi là mắt thấy, cũng gọi là nghe thấy. Lại có hai thứ: một là rễ sâu khó nhổ, hai là rễ cạn dễ lay. Nếu có thể tu Không, Vô tướng, Vô nguyện thì đó gọi là rễ sâu khó nhổ. Nếu chẳng tu tập ba Tam-muội này, tuy có tu tập vì thoát hai mươi lăm cõi thì đó gọi là rễ cạn dễ lay. Lại có hai thứ: một là vì tự thân, hai là vì chúng sinh. Vì chúng sinh thì có thể thấy Phật tánh và Như Lai. Người trì giới lại có hai

thứ: một là tánh tự có thể trì, hai là cần sự dạy bảo của người khác. Nếu thọ giới rồi mà trải qua vô lượng đời, chẳng khiếm khuyết, hoặc gặp đất nước ác, gặp ác tri thức, lúc ác, đời ác, nghe pháp tà ác, ở chung với tà kiến, dù bấy giờ tuy không thọ giới pháp, nhưng vẫn tu trì như cũ, không có sự hủy phạm, thì đó gọi là tánh tự có thể trì. Nếu gặp Sư tăng, bạch Tứ yết-ma, rồi sau đó đắc giới, tuy đắc giới rồi nhưng cần nhờ Hòa thượng, chư Tăng, bạn lành đồng học dạy bảo khuyên nhủ mới biết tiến dừng, nghe pháp, nói pháp để hoàn bị các oai nghi thì đó gọi là cần sự dạy bảo của người khác. Đây thiện nam! Tánh có thể trì là, mắt thấy Phật tánh và Như Lai, cũng gọi là nghe thấy. Giới lại có hai, một là Thanh văn giới, hai là Bồ-tát giới. Từ lúc mới phát tâm cho đến khi đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì đó gọi là Bồ-tát giới. Từ khi quan sát xương trắng cho đến chứng đắc quả A-la-hán thì đó gọi là Thanh văn giới. Nếu có người thọ trì Thanh văn giới thì phải biết người đó chẳng thấy Phật tánh và Như Lai. Nếu có người thọ trì Bồ-tát giới thì phải biết người đó sẽ đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có thể thấy Phật tánh, Như Lai, Niết-bàn.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà thọ trì giới cấm?

Đức Phật dạy:

–Đây thiện nam! Vì tâm chẳng hối. Vì sao chẳng hối? Vì thọ hưởng an lạc. Vì sao thọ hưởng an lạc? Vì xa lìa. Vì sao xa lìa? Vì yên ổn. Vì sao yên ổn? Vì thiên định. Vì sao thiên định? Vì tri kiến chân thật. Vì sao tri kiến chân thật? Vì thấy những tội lỗi hoạn nạn của sinh tử. Vì sao thấy tội lỗi hoạn nạn của sinh tử? Vì tâm chẳng tham đắm. Vì sao tâm chẳng tham đắm? Vì được giải thoát. Vì sao được giải thoát? Vì đắc Đại Niết-bàn vô thượng. Vì sao đắc Đại Niết-bàn vô thượng? Vì được pháp thường, lạc, ngã, tịnh. Vì sao được pháp thường, lạc, ngã, tịnh? Vì được chẳng sinh, chẳng diệt. Vì sao được chẳng sinh, chẳng diệt? Vì thấy Phật tánh. Vậy nên Bồ-tát tự tánh có thể trì giới thanh tịnh cứu cánh. Đây thiện nam! Tỳ-kheo trì giới tuy chẳng phát nguyện cầu tâm chẳng hối, nhưng tâm chẳng

hối tự nhiên có được. Vì sao? Vì pháp tánh như vậy. Tuy Tỳ-kheo trì giới chẳng cầu an lạc, xa lìa, yên ổn, chân thật tri kiến, thấy lỗi sinh tử, tâm chẳng tham đắm giải thoát, Niết-bàn, thường, lạc, ngã, tịnh, chẳng sinh chẳng diệt, thấy Phật tánh tự nhiên mà được. Vì sao? Vì pháp tánh.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu nhân trì giới được quả bất hối, nhân giải thoát được quả Niết-bàn thì giới không có nhân, Niết-bàn không có quả. Giới nếu không có nhân thì gọi là thường. Niết-bàn không có nhân thì gọi là vô thường. Nếu vậy thì Niết-bàn trước không nay có. Nếu là trước không nay có thì chính là vô thường, giống như thấp đèn. Niết-bàn nếu vậy thì làm sao được gọi là ngã, lạc, tịnh?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Hay thay! Hay thay! Ông đã từng ở chỗ vô lượng Phật, gieo trồng căn lành, mới có thể hỏi Như Lai nghĩa lý sâu như vậy. Này thiện nam! Ông chẳng quên mất việc xưa mới hỏi được như vậy. Ta nhớ thuở xưa, qua vô lượng kiếp, tại thành Ba-la-nại, có Đức Phật ra đời hiệu là Thiện Đắc. Bấy giờ, Đức Phật đó diễn nói kinh Đại Niết-bàn này trong ba ức năm. Ta cùng với ông đều ở tại pháp hội đó, Ta đem sự việc này mà thưa hỏi Đức Phật ấy. Bấy giờ Đức Như Lai vì chúng sinh nên nhập Tam-muội Chánh thọ, chưa giải đáp nghĩa này. Hay thay! Này Đại sĩ! Chỉ ông mới có thể nhớ nghĩ việc cũ như vậy. Ông hãy lắng nghe! Lắng nghe! Ta sẽ vì ông diễn nói. Giới cũng có nhân gọi là nghe chánh pháp. Nghe chánh pháp cũng có nhân gọi là gần bạn lành. Gần bạn lành cũng có nhân gọi là tín tâm. Có tín tâm cũng có nhân. Nhân có hai thứ: một là nghe pháp, hai là suy nghĩ về nghĩa. Này thiện nam! Tín tâm là nhân đối với thính pháp. Thính pháp là nhân đối với tín tâm. Hai pháp như vậy cũng là nhân mà cũng là nhân của nhân, cũng là quả mà cũng là quả của quả. Này thiện nam! Ví như hạng Ni-càn dựng đứng cái bình, làm nhân quả cho nhau chẳng được lìa nhau. Này thiện nam! Như vô minh duyên hành, hành duyên vô minh. Vô minh, hành này cũng là nhân mà cũng là nhân của nhân, cũng là quả mà cũng là quả của

quả cho đến sinh duyên lão tử, lão tử duyên sinh. Sinh, lão tử này cũng là nhân mà cũng là nhân của nhân, cũng là quả mà cũng là quả của quả. Đây thiện nam! Sinh có thể sinh ra pháp nhưng chẳng thể tự sinh. Chẳng tự sinh nên do sinh mà sinh ra sinh. Sinh ra sinh chẳng tự sinh mà nhờ sinh nên sinh. Vậy nên hai sinh cũng là nhân mà cũng là nhân của nhân, cũng là quả mà cũng là quả của quả. Đây thiện nam! Tín tâm và nghe pháp cũng như vậy. Đây thiện nam! Quả này chẳng phải nhân, gọi là Đại Niết-bàn. Vì sao gọi là quả? Vì quả trên hết, quả của Sa-môn, quả của Bà-la-môn, vì đoạn trừ sinh tử, vì phá tan phiền não, nên gọi là quả. Bị các phiền não quả trách, vậy nên Niết-bàn gọi là quả. Phiền não thì gọi là tội lỗi của tội lỗi. Đây thiện nam! Niết-bàn không nhân mà thể chính là quả. Vì sao? Vì không sinh diệt, không sở đắc, chẳng phải hữu vi, chính là vô vi, thường trụ bất biến, không xứ sở, không chung thỉ. Đây thiện nam! Nếu Niết-bàn có nhân thì chẳng được xưng là Niết-bàn. Bàn là nói nhân. Niết là nói không. Không có nhân nên xưng là Niết-bàn.

Bồ-tát Sư Tử Hồng bạch:

–Như lời Đức Phật nói, Niết-bàn không nhân thì nghĩa này chẳng đúng. Nếu nói rằng không thì phải hợp sáu nghĩa. Một là rất ráo không nên gọi đó là không, như tất cả pháp không ngã, không ngã sở. Hai là có lúc không nên gọi đó là không, như người đời nói rằng, sông ao không nước, không có mặt trời, mặt trăng. Ba là ít nên gọi đó là không, như người đời nói rằng, trong thức ăn ít mặn nên gọi là không mặn, nước uống ít ngọt nên gọi là không ngọt. Bốn là không thọ nhận nên gọi đó là không, như Chiên-đà-la chẳng thể thọ trì pháp của Bà-la-môn nên gọi là không Bà-la-môn. Năm là thọ pháp ác nên gọi đó là không, như người đời nói rằng, người thọ pháp ác thì chẳng gọi là Sa-môn, Bà-la-môn. Vậy nên gọi là không có Sa-môn và Bà-la-môn. Sáu là chẳng đối nên gọi đó là không. Ví như không trắng thì gọi đó là đen, không có sáng nên gọi đó là vô minh. Thưa Thế Tôn! Niết-bàn cũng vậy, có lúc không nhân nên gọi là Niết-bàn.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nay ông đã nói sáu nghĩa như vậy, vì sao ông chẳng dẫn rốt ráo không để dụ cho Niết-bàn mà chọn lấy “có lúc không”? Này thiện nam! Thể của Niết-bàn là rốt ráo không nhân, giống như không ngã và không ngã sở. Này thiện nam! Thế pháp và Niết-bàn chẳng bao giờ đối nhau. Vậy nên dùng sáu việc chẳng được làm ví dụ. Này thiện nam! Tất cả các pháp đều không có ngã mà Niết-bàn này chân thật có ngã. Do nghĩa này nên Niết-bàn không nhân mà thể là quả. Nhân này chẳng phải quả mà gọi là Phật tánh. Chẳng phải nhân sinh ra nên nhân này chẳng phải quả. Chẳng phải quả của Sa-môn nên gọi là chẳng phải quả. Vì sao gọi là nhân? Vì do rõ nhân này. Này thiện nam! Nhân có hai thứ: một là sinh nhân, hai là liễu nhân. Có thể sinh ra pháp thì gọi là sinh nhân. Đèn có thể làm rõ vật nên gọi là liễu nhân. Các kiết phiến nào gọi là sinh nhân, cha mẹ chúng sinh gọi là liễu nhân. Như hạt lúa gọi là sinh nhân, đất, nước, phân v.v... thì gọi là liễu nhân. Lại có sinh nhân là sáu pháp Ba-la-mật, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại có liễu nhân là Phật tánh, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại có sinh nhân là Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại có liễu nhân là tám thánh đạo, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại có sinh nhân là tín tâm, sáu pháp Ba-la-mật.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Thế Tôn nói, thấy Như Lai và Phật tánh là nghĩa thế nào? Thưa Thế Tôn! Thân Như Lai không có tướng mạo, chẳng phải cao, chẳng phải thấp, chẳng phải trắng, chẳng phải đen, không có địa phương, xứ sở, chẳng ở tại ba cõi, chẳng phải tướng hữu vi, chẳng phải sự nhận biết của nhãn thức thì làm sao có thể thấy Phật tánh?

Đức Phật dạy:

–Thân Phật có hai: một là thường, hai là vô thường. Thân vô thường là vì muốn độ thoát tất cả chúng sinh nên phương tiện thị hiện. Đó gọi là thân mắt thấy. Thân thường là thân giải thoát của Như Lai Thế Tôn, cũng gọi là thân mắt thấy, cũng gọi là thân nghe



thấy. Phật tánh cũng có hai: một là có thể thấy, hai là chẳng thể thấy. Có thể thấy là Bồ-tát Thập Trụ, chư Phật Thế Tôn. Chẳng thể thấy là tất cả chúng sinh. Mắt thấy là, mắt của Bồ-tát Thập Trụ, chư Phật Như Lai thấy chúng sinh có Phật tánh. Nghe thấy là tất cả chúng sinh, Bồ-tát Cửu Trụ nghe có Phật tánh. Thân Như Lai lại có hai: một là sắc, hai là chẳng phải sắc. Sắc là Như Lai giải thoát. Chẳng phải sắc là Như Lai vĩnh viễn đoạn trừ các sắc tướng. Phật tánh có hai thứ: một là sắc, hai là chẳng phải sắc. Sắc là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Chẳng phải sắc là từ phàm phu cho đến Bồ-tát Thập Trụ. Bồ-tát Thập Trụ thấy Phật tánh chẳng rõ ràng nên gọi là chẳng phải sắc. Này thiện nam! Phật tánh lại có hai: một là sắc, hai là chẳng phải sắc. Sắc là Phật, Bồ-tát. Chẳng phải sắc là tất cả chúng sinh. Sắc thì gọi là mắt thấy. Chẳng phải sắc thì gọi là nghe thấy. Phật tánh thì chẳng phải bên trong, chẳng phải bên ngoài. Tuy chẳng phải bên trong bên ngoài nhưng Phật tánh chẳng phải hoại mất nên gọi là chúng sinh đều có Phật tánh.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh như trong sữa có sữa đặc. Phật tánh của chư Phật và Lực sĩ Kim cương như đề hồ trong sạch thì sao Như Lai nói rằng, Phật tánh chẳng phải bên trong, chẳng phải bên ngoài?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ta cũng chẳng nói trong sữa có sữa đặc, sữa đặc từ sữa sinh ra nên nói rằng có sữa đặc.

–Bạch Thế Tôn! Tất cả pháp sinh đều có thời tiết.

–Này thiện nam! Khi sữa không có sữa đặc cũng không sinh ra váng sữa, bơ và đề hồ, thì tất cả chúng sinh cũng gọi là sữa. Vậy nên Ta nói rằng, trong sữa không có sữa đặc. Như trong sữa ấy có thì vì sao chẳng được gọi tên hai thứ như người làm được hai việc thì có thể nói rằng, thợ vàng, thiết. Khi sữa đặc không có sữa, váng sữa, bơ và cả đề hồ thì chúng sinh cũng gọi là sữa đặc chẳng phải sữa, váng sữa, bơ và cả đề hồ cho đến đề hồ cũng như vậy. Này thiện nam! Nhân có hai thứ: một là chánh nhân, hai là duyên nhân. Chánh nhân

là như sữa sinh ra sữa đặc. Duyên nhân là như men, hơi ấm v.v... từ sữa sinh ra nên nói rằng, trong sữa có tánh của sữa đặc.

Bồ-tát Sư Tử Hồng bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu sữa không có tánh của sữa đặc như trong sừng cũng không thì vì sao sữa đặc chẳng từ trong sừng sinh ra?

–Này thiện nam! Sừng cũng sinh ra sữa đặc. Vì sao? Vì ta cũng nói rằng, duyên nhân có hai thứ, một là men, hai là hơi ấm. Tánh của sừng ấm nên cũng có thể sinh ra sữa đặc.

Bồ-tát Sư Tử Hồng bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu sừng có thể sinh ra sữa đặc thì người tìm sữa đặc sao tìm ở sữa mà chẳng chọn lấy ở sừng?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Vậy nên Ta nói, chánh nhân và duyên nhân.

Bồ-tát Sư Tử Hồng bạch:

–Giả sử trong sữa vốn không có tánh của sữa đặc mà nay mới có thì trong sữa vốn không có cây A ma la, vì sao nay chẳng sinh ra? Vì cả hai đều không.

–Này thiện nam! Sữa cũng có thể sinh ra cây A-ma-la, nếu dùng sữa tươi thì trong một đêm tăng trưởng năm thước. Do nghĩa này nên Ta nói có hai nhân. Này thiện nam! Nếu tất cả pháp do một nhân sinh ra thì có thể nói rằng, trong sữa vì sao chẳng thể sinh ra cây A-ma-la. Này thiện nam! Giống như bốn đại làm nhân duyên cho tất cả sắc duyên, nhưng sắc đều khác biệt, chẳng đồng. Do nghĩa này nên trong sữa chẳng sinh cây A-ma-la.

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói, có hai thứ nhân, chánh nhân và duyên nhân, vậy Phật tánh của chúng sinh là nhân gì?

–Này thiện nam! Phật tánh của chúng sinh cũng có hai thứ nhân: một là chánh nhân, hai là duyên nhân. Chánh nhân là các chúng sinh, duyên nhân là sáu pháp Ba-la-mật.

Bồ-tát Sư Tử Hồng bạch:

–Bạch Thế Tôn! Con nay biết chắc chắn sữa có tánh của sữa đặc. Vì sao? Vì con thấy người cầu sữa đặc ở thế gian chỉ chọn lấy sữa nhất định chẳng chọn lấy nước. Vậy nên phải biết sữa có tánh

của sữa đặc.

–Này thiện nam! Như lời ông hỏi thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì ví như có người muốn thấy hình dáng của mặt mình liền dùng lưỡi dao.

Bồ-tát Sư Tử Hồng bạch:

–Bạch Thế Tôn! Do nghĩa này nên sữa có tánh của sữa đặc. Nếu dao không có hình dáng của mặt thì vì sao người ta chọn lấy dao?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu trong dao này nhất định có hình dáng của mặt thì vì sao bị đảo lộn, dựng đứng thì thấy mặt dài ra, để ngang thì thấy mặt rộng bành ra? Nếu là mặt mình thì vì sao thấy dài? Nếu là mặt người khác thì sao gọi là hình dáng của mặt mình? Nếu nhân mặt mình thấy mặt khác thì vì sao chẳng thấy hình dáng mặt lừa, mặt ngựa?

Bồ-tát Sư Tử Hồng bạch:

–Bạch Thế Tôn! Ánh sáng của mắt đến đó nên thấy mặt dài.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ánh sáng mắt này thật ra chẳng đến đó. Vì sao? Vì gần hay xa cùng một lúc đều nhìn thấy mà chẳng thấy vật trung gian. Này thiện nam! Ánh sáng nếu đến đó mà thấy được thì tất cả chúng sinh đều thấy lửa vì sao lửa chẳng đốt cháy? Như người từ xa thấy vật trắng thì chẳng nên sinh nghi là ngỗng trời chăng? Phướn chăng? Người chăng? Cây chăng? Nếu ánh sáng đến kia thì sao thấy được vật trong thủy tinh, cá và đá trong vực sâu? Nếu ánh sáng chẳng đến thì vì sao thấy được vật trong thủy tinh mà chẳng thấy được hình sắc ngoài tường vách? Vậy nên nếu nói rằng, ánh sáng của mắt đến đó mà thấy dài ra thì nghĩa này chẳng đúng. Này thiện nam! Như lời ông nói, sữa có sữa đặc, thì vì sao người bán sữa chỉ chọn lấy giá trị của sữa, chẳng kể đến giá trị của sữa đặc? Người buôn bán ngựa chỉ chọn lấy giá trị của ngựa chẳng kể đến giá trị của ngựa con. Này thiện nam! Người thế gian không vợ con nên cưới vợ. Người vợ nếu mang thai chẳng được nói là con gái. Nếu nói rằng,

người con gái này có tánh con nên cần cưới thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì nếu có tánh con thì cũng nên có cháu, mà nếu có cháu tức là anh em. Vì sao? Vì một bụng sinh ra. Vậy nên ta nói người con gái không có tánh con. Nếu trong sữa ấy có tánh vầng sữa thì vì sao chẳng thấy năm vị cùng một lúc? Nếu trong hạt cây có chất năm trượng của cây Ni-câu-đà thì vì sao cùng lúc chẳng thấy những hình sắc khác của mầm, thân, cành, lá, hoa, trái? Đây thiện nam! Khi màu sữa khác, vị khác, quả khác cho đến đề hồ cũng như vậy thì làm sao có thể nói sữa có tánh của sữa đặc? Đây thiện nam! Ví như có người sáng mai dùng vầng sữa nhưng nay đã lo hôi. Nếu nói rằng, trong sữa nhất định có sữa đặc cũng như vậy. Đây thiện nam! Ví như có người có bút giấy mực kết hợp viết ra chữ mà trong giấy này vốn không có chữ. Do vốn không nên mượn duyên mà thành. Nếu vốn có thì sao cần đến các duyên. Ví như xanh, vàng hợp thành duyên sắc. Phải biết rằng, hai cái này vốn không có tánh duyên. Nếu chúng vốn có thì đâu cần phải hợp thành. Đây thiện nam! Ví như chúng sinh do ăn mà được thọ mạng nhưng trong thức ăn này thật không có mạng. Nếu vốn có mạng thì khi chưa ăn, thức ăn nên có mạng này. Đây thiện nam! Tất cả các pháp vốn không có tánh. Do nghĩa này nên ta nói kệ:

*Trước không nay có  
Trước có nay không  
Ba đời hữu pháp  
Không có điều đó.*

Này thiện nam! Tất cả các pháp do nhân duyên nên sinh, do nhân duyên nên diệt. Đây thiện nam! Nếu bên trong chúng sinh có Phật tánh thì tất cả chúng sinh nên có thân Phật như ta hôm nay. Phật tánh của chúng sinh chẳng phá, chẳng hoại, chẳng lôi kéo, chẳng nắm bắt, chẳng trói, chẳng buộc như hư không trong chúng sinh. Tất cả chúng sinh đều có hư không, không ngăn ngại mà đều chẳng tự thấy có hư không này. Giả sử nếu chúng sinh không có hư không thì không lui tới, đi, đứng, nằm, ngồi, chẳng sinh, chẳng lớn. Do nghĩa này nên trong kinh ta nói, tất cả chúng sinh có cảnh giới hư

không. Cảnh giới hư không thì gọi là hư không. Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy. Bồ-tát Thập Trụ có thể thấy được chút ít. Phật tánh đó như viên ngọc kim cương. Nay thiện nam! Phật tánh của chúng sinh, cảnh giới của chư Phật, chẳng phải là sự hiểu biết của Thanh văn, Duyên giác. Tất cả chúng sinh chẳng thấy Phật tánh. Vậy nên họ thường bị sự trói buộc của phiền não nên lưu chuyển trong sinh tử. Thấy được Phật tánh rồi thì các kiết phiền não đã chẳng thể trói buộc, giải thoát sinh tử, được Đại Niết-bàn.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Tất cả chúng sinh có Phật tánh như tánh sữa đặc trong sữa. Nếu sữa không có tánh sữa đặc thì vì sao Phật nói có hai thứ nhân, một là chánh nhân, hai là duyên nhân? Duyên nhân thì một là men, hai là hơi ấm? Hư không không có tánh nên không có duyên nhân.

Đức Phật dạy:

–Nay thiện nam! Giả sử trong sữa nhất định có tánh sữa đặc thì đâu cần duyên nhân.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Do có tánh nên cần duyên nhân. Vì sao? Vì muốn thấy rõ. Duyên nhân tức là liễu nhân. Thưa Thế Tôn! Ví như trong tối có các đồ vật, vì muốn thấy nên dùng đèn soi rõ. Nếu trước không có thì đèn soi cái gì? Như trong bùn có bình nên cần có người, nước, bánh xe, sợi dây, cây gậy v.v... để làm liễu nhân. Như hạt Ni-câu-đà cần có đất nước, phân để làm liễu nhân. Trong sữa cần có men, hơi ấm cũng như vậy để làm liễu nhân. Vậy nên tuy trước có tánh nhưng cần nhờ liễu nhân, rồi sau đó thấy được. Do nghĩa này nên nhất định biết trong sữa vốn có tánh của sữa đặc.

–Nay thiện nam! Giả sử trong sữa nhất định có tánh sữa đặc thì tánh này là liễu nhân. Nếu là liễu nhân thì đâu cần làm rõ. Nay thiện nam! Nếu tánh của liễu nhân này là rõ thì thường nên tự rõ. Nếu tự chẳng rõ thì sao có thể rõ cái khác! Nếu nói rằng, liễu nhân có hai thứ tánh: một là tự rõ, hai là rõ cái khác thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì liễu nhân một pháp thì làm sao có hai được. Nếu có

hai thì sữa cũng nên có hai. Giả sử nếu trong sữa không hai tướng thì làm sao một mình liễu nhân có hai tướng?

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như người đời nói rằng, ta cùng tám người. Liễu nhân cũng vậy, tự liễu và liễu tha.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Liễu nhân nếu vậy thì chẳng phải liễu nhân. Vì sao? Vì tính toán thì có thể tính sắc của mình, sắc của người khác nên nói được là tám, mà tánh của sắc này tự không rõ tướng. Vì không rõ tướng nên cần phải có tánh của trí mới tính được mình và người khác. Vậy nên liễu nhân chẳng thể tự liễu, cũng chẳng liễu tha. Này thiện nam! Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh thì vì sao phải tu tập vô lượng công đức? Nếu nói, tu tập liễu nhân này thì đã đồng với hư không của sữa đặc. Nếu nói, trong nhân nhất định có quả thì giới, định, tuệ không tăng trưởng. Ta thấy người đời vốn không có giới cấm, thiền định, trí tuệ, rồi theo thầy thọ lấy mà dần dần tăng trưởng. Nếu nói, thầy dạy là liễu nhân thì ngay khi thầy dạy, người thọ phải chưa có giới, định, trí tuệ. Nếu là liễu thì lẽ ra liễu cái chưa có, sao mới liễu giới, định, tuệ khiến cho chúng được tăng trưởng?

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu liễu nhân là không thì làm sao được gọi là có sữa thì có sữa đặc?

–Này thiện nam! Trả lời vấn nạn của thế gian gồm có ba cách: Một là chuyển đáp: Như trước Ta đã nói, vì sao gọi là giới? Do chẳng hối hận cho đến vì được Đại Niết-bàn. Hai là mặc nhiên đáp: Như có vị Phạm chí đến hỏi Ta: “Ngã là thường chăng?” thì Ta mặc nhiên. Ba là nghi đáp: Như trong kinh này, nếu liễu nhân có hai thì vì sao trong sữa chẳng được có hai? Này thiện nam! Ta nay chuyển đáp, như người đời nói rằng, có sữa thì có sữa đặc. Vì nhất định được nên gọi là có sữa đặc. Phật tánh cũng vậy, có chúng sinh, có Phật tánh rồi vì sẽ thấy.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói thì nghĩa này chẳng phải vậy. Quá khứ diệt rồi, vị lai chưa đến thì vì sao gọi là có? Nếu nói sẽ có gọi là có thì nghĩa này chẳng đúng. Như người thế gian thấy không vợ con liền nói không con. Tất cả chúng sinh không Phật tánh thì làm sao nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Quá khứ gọi là có. Ví như trồng cây quít, mầm mọc ra thì hạt diệt mất. Mầm cũng vị ngọt cho đến quả xanh vị cũng như vậy, quả chín rồi mới thành chua. Này thiện nam! Mà vị chua này, từ hạt, mầm cho đến trái xanh đều không theo gốc. Khi chín thì hình sắc, tướng mạo của nó sinh ra vị chua, mà vị này trước không nay có. Tuy vị chua này trước không nay có nhưng chẳng phải là chẳng do gốc. Như vậy hạt giống gốc này tuy lại là quá khứ nhưng được gọi là có. Do nghĩa này nên quá khứ gọi là có. Sao gọi là vị lai có? Ví như có người gieo trồng mè. Có người hỏi: “Vì sao trồng thứ này?”. Đáp: “Vì có dầu”. Thật ra chưa có dầu. Mè chín rồi lấy hạt, hấp, giã, ép mới được dầu. Nên biết lời người này chẳng phải là hư vọng. Do nghĩa này nên gọi là vị lai có. Sao gọi là quá khứ có? Này thiện nam! Ví như có người lén lút mắng vua mà trải qua nhiều năm vua mới nghe được. Vua nghe rồi liền hỏi: “Vì sao dám mắng?”. Người đó đáp: “Tâu đại vương! Thần chẳng mắng. Vì sao? Vì người mắng đã diệt”. Nhà vua nói: “Người mắng và thân ta cả hai đều tồn tại mà sao nói rằng diệt?”. Do nhân duyên này nên người đó mất thân mạng. Này thiện nam! Hai điều này thật không có mà quả chẳng diệt. Đó gọi là quá khứ có. Sao gọi là vị lai có? Ví như có người đi đến chỗ thợ gốm hỏi: “Có bình không?”. Đáp: “Có bình”, mà người thợ gốm này thật chưa có bình. Nhưng do có bùn nên thợ gốm nói có bình. Phải biết là người này chẳng phải nói dối. Trong sữa có sữa đặc, Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy, muốn thấy Phật tánh cần phải quan sát thời tiết, hình sắc. Vậy nên ta nói, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, là chân thật chẳng hư dối.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Tất cả chúng sinh không có Phật tánh thì làm sao mà được Vô

thượng Chánh đẳng Chánh giác? Do nhờ chánh nhân nên khiến cho chúng sinh được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Cái gì là chánh nhân? Đó là Phật tánh. Bạch Thế Tôn! Nếu hạt Ni-câu-đà không có cây Ni-câu-đà thì vì sao gọi là hạt Ni-câu-đà mà chẳng gọi là hạt Khư-đà-la? Thưa Thế Tôn! Như họ Cù-đàm chẳng được gọi là họ A-đế-gia, họ A-đế-gia cũng lại chẳng được gọi là họ Cù-đàm. Hạt Ni-câu-đà cũng như vậy, chẳng được gọi là hạt Khư-đà-la, hạt Khư-đà-la chẳng được gọi là hạt Ni-câu-đà, giống như Đức Thế Tôn chẳng được lìa bỏ dòng họ Cù-đàm. Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy. Do nghĩa này nên phải biết, chúng sinh đều có Phật tánh.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu nói, trong hạt có cây Ni-câu-đà thì nghĩa này chẳng đúng. Như có thì vì sao chẳng thấy? Này thiện nam! Như vật của thế gian có nhân duyên nên chẳng thể thấy được. Sao gọi là nhân duyên? Nghĩa là xa chẳng thể thấy như dấu chim trong không, gần chẳng thể thấy như người nhắm mắt, vì hư hoại nên chẳng thấy, như căn của mắt bị hư, vì loạn tưởng nên chẳng thấy, như lòng chẳng chuyên nhất, vì nhỏ nên chẳng thấy như tiểu vi trần, vì ngăn nên chẳng thấy như mây che sao, vì nhiều nên chẳng thấy như hạt mè trong đồng gạo, vì tương tự nên chẳng thấy như đậu ở tại đồng đậu. Cây Ni-câu-đà chẳng giống như tám thứ nhân duyên như vậy. Như cây ấy có thì vì sao chẳng thấy? Nếu nói rằng, nhỏ nên chẳng thấy thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì tướng của cây thô. Nếu nói rằng, tánh nhỏ thì làm sao tăng trưởng? Nếu nói rằng, ngăn che nên chẳng thể thấy, thì lẽ ra luôn luôn chẳng thấy. Nếu vốn không có tướng thô mà nay thấy thô thì phải biết thô này vốn không có tánh thấy. Vốn không tánh thấy mà nay có thể thấy thì phải biết sự thấy này cũng vốn không có tánh. Hạt cũng như vậy, vốn không có cây mà nay có thì có lỗi gì?

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói, có hai thứ nhân: một là chánh nhân, hai là liễu nhân. Hạt Ni-câu-đà lấy đất, nước, phân làm liễu nhân nên khiến cho nhỏ được to.



Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu đã vốn có thì đâu cần liễu nhân. Nếu vốn không có tánh thì chỗ nào để liễu? Nếu trong Ni-câu-đà vốn không có tướng to mà do liễu nhân nên mới sinh to thì vì sao chẳng sinh ra cây Khư-đà-la? Vì cả hai đều không. Này thiện nam! Nếu nhỏ chẳng thể thấy thì to đáng lẽ có thể thấy, ví như một hạt bụi chẳng thể thấy thì nhiều bụi hòa hợp lại thì có thể thấy. Như vậy trong hạt có thô có thể thấy. Vì sao? Vì trong hạt này đã có mầm, thân, hoa, trái. Trong mỗi một trái có vô lượng hạt, trong mỗi một hạt có vô lượng cây. Vậy nên gọi là thô, mà có cái thô này nên có thể thấy. Này thiện nam! Nếu hạt Ni-câu-đà có tánh Ni-câu-đà mà sinh ra cây thì mắt thấy hạt này bị lửa đốt cháy, vậy tánh đốt lẽ ra cũng vốn có. Nếu vốn có thì cây chẳng nên sinh ra. Nếu tất cả pháp vốn có sinh diệt thì vì sao trước sinh sau diệt chẳng cùng một lúc? Do nghĩa này nên biết là không có tánh.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu hạt Ni-câu-đà vốn không có tánh cây mà sinh ra cây thì hạt này vì sao chẳng cho ra dầu? Cả hai đều không.

–Này thiện nam! Trong hạt này cũng có thể sinh ra dầu vì tuy không có tánh nhưng do nhân duyên nên có.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao chẳng gọi là dầu mè?

–Này thiện nam! Vì chẳng phải mè. Này thiện nam! Như duyên lửa sinh ra lửa, duyên nước sinh ra nước, tuy đều từ duyên nhưng chẳng thể có nhau. Hạt Ni-câu-đà và dầu mè cũng như vậy, tuy đều từ duyên nhưng đều chẳng sinh ra nhau. Tánh của hạt Ni-câu-đà có thể trị lạnh. Dầu mè thì tánh có thể trị gió. Này thiện nam! Ví như mía nhờ nhân duyên nên sinh ra đường cát, đường đen. Tuy chúng đều một duyên nhưng sắc tướng đều khác. Đường cát trị nóng, đường đen trị lạnh.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như trong sữa ấy không có tánh của sữa đặc, mè không có tánh của dầu, hạt Ni-câu-đà không có tánh của cây,

bùn không có tánh của bình, tất cả chúng sinh không có Phật tánh nhưng như lời Đức Phật trước đã nói, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, cho nên sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì hàng trời, người không có tánh. Do không có tánh nên người có thể làm trời, trời có thể làm người. Do nghiệp duyên nên chẳng thể do tánh. Đại Bồ-tát do nghiệp duyên nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu các chúng sinh có Phật tánh thì vì nhân duyên gì Nhất-xiển-đề đoạn dứt các thiện căn, đọa vào địa ngục? Nếu tâm Bồ-đề là Phật tánh thì Nhất-xiển-đề lẽ ra chẳng có thể đoạn, mà nếu có thể đoạn thì làm sao có thể nói, Phật tánh là thường? Nếu chẳng phải thường thì chẳng gọi là Phật tánh. Nếu các chúng sinh có Phật tánh thì vì sao gọi là mới phát tâm? Vì sao mà nói là thoái chuyển và không thoái chuyển? Thoái chuyển thì phải biết người này không có Phật tánh. Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát một lòng hướng về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đại từ đại bi, thấy tội lỗi phiền não sinh lão tử, quan sát Đại Niết-bàn không có các tội lỗi phiền não sinh lão tử, tin vào Tam bảo và quả báo của nghiệp, thọ trì giới cấm. Những pháp như vậy gọi là Phật tánh. Nếu lìa khỏi những pháp này mà có Phật tánh thì đâu cần pháp này mà tạo tác nhân duyên? Bạch Thế Tôn! Như sữa chẳng mượn duyên nhất định sẽ thành sữa đặc, nhưng váng sữa chẳng vậy, cần phải đợi nhân duyên, đó là nhân công, nước, bình, xoay, sợi dây. Chúng sinh cũng vậy, người có Phật tánh nên lìa khỏi nhân duyên để được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu nhất định có thì vì sao hành nhân thấy ba ác khổ, sinh, lão, bệnh, tử mà sinh ra thoái tâm? Cũng chẳng cần tu sáu pháp Ba-la-mật vẫn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như sữa chẳng phải nhờ duyên mà được thành sữa đặc. Nhưng chẳng phải chẳng nhờ sáu pháp Ba-la-mật mà được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do nghĩa này nên biết, chúng sinh đều không có Phật tánh. Như Phật trước đã nói, Tăng bảo là thường. Như thường ấy tức là chẳng phải vô thường, mà chẳng phải vô thường thì làm sao đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Tăng bảo nếu thường thì làm sao lại nói rằng, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh? Bạch Thế Tôn! Giả sử chúng sinh từ trước đến nay

không có tâm Bồ-đề cũng không có tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà sau mới có thì Phật tánh của chúng sinh đáng lẽ cũng trước không sau có như vậy. Do nghĩa này nên tất cả chúng sinh không có Phật tánh.

Đức Phật dạy:

–Hay thay! Hay thay! Này thiện nam! Ông biết nghĩa lý của Phật tánh đã lâu, nhưng vì chúng sinh nên đặt câu hỏi như vậy. Tất cả chúng sinh thật có Phật tánh. Ông nói rằng, chúng sinh nếu có Phật tánh thì chẳng nên nói rằng, có người mới phát tâm. Này thiện nam! Tâm chẳng phải Phật tánh. Vì sao? Vì tâm là vô thường, Phật tánh là thường. Ông nói rằng, vì sao có người thoái tâm? Thật ra tâm không thoái vì nếu tâm có thoái thì chẳng bao giờ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do chậm được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên gọi đó là thoái. Tâm Bồ-đề này thật chẳng phải Phật tánh. Vì sao? Vì Nhất-xiển-đề đoạn dứt căn lành, rơi vào địa ngục. Nếu tâm Bồ-đề là Phật tánh thì bọn Nhất-xiển-đề chẳng gọi là Nhất-xiển-đề và tâm Bồ-đề cũng chẳng gọi là vô thường. Vậy nên biết chắc là tâm Bồ-đề thật chẳng phải là Phật tánh.

Này thiện nam! Ông nói rằng, chúng sinh nếu có Phật tánh thì chẳng nên mượn nhờ duyên, như sữa thành sữa đặc thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì nếu nói rằng, do năm duyên thành váng sữa thì phải biết, Phật tánh cũng như vậy. Ví như các thứ đá có vàng, có bạc, có đồng, có sắt đều là gốc từ bốn đại, một tên, một vật thật, mà cái chúng cho ra mỗi mỗi chẳng đồng. Chúng phải nhờ đến mọi duyên như phước đức chúng sinh, lò đúc, nhân công... rồi sau đó mới sinh ra. Vậy phải biết, vốn không có tánh vàng, Phật tánh của chúng sinh chẳng gọi là Phật mà do các công đức nhân duyên hòa hợp nên được thấy Phật tánh, rồi sau đó mới đắc Phật.

Ông nói rằng, chúng sinh đều có Phật tánh, vì sao chẳng thấy? Nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì do các nhân duyên chưa hòa hợp. Này thiện nam! Do nghĩa này nên ta nói hai nhân: chánh nhân và duyên nhân. Chánh nhân thì gọi là Phật tánh, duyên nhân là phát tâm Bồ-đề. Do hai nhân duyên đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh

giác như đá cho ra vàng.

Này thiện nam! Ông nói rằng, Tăng thường thì tất cả chúng sinh không Phật tánh. Này thiện nam! Tăng gọi là hòa hợp. Hòa hợp có hai: một là thế gian hòa hợp, hai là đệ nhất nghĩa hòa hợp. Thế gian hòa hợp là gọi Tăng Thanh văn, đệ nhất nghĩa hòa hợp là gọi Tăng Bồ-tát. Tăng thế gian thì vô thường mà Phật tánh là thường. Như Phật tánh thường thì đệ nhất nghĩa Tăng cũng vậy. Lại nữa, có Tăng gọi là pháp hòa hợp. Pháp hòa hợp là gọi Mười hai bộ loại kinh điển, mà Mười hai bộ loại kinh điển thường, nên ta nói rằng, Pháp, Tăng là thường. Này thiện nam! Tăng gọi là hòa hợp. Hòa hợp là gọi mười hai nhân duyên. Trong mười hai nhân duyên cũng có Phật tánh. Mười hai nhân duyên thường, Phật tánh cũng vậy. Vậy nên Ta nói, tăng có Phật tánh. Lại nữa, Tăng là chư Phật hòa hợp. Vậy nên Ta nói, Tăng có Phật tánh.

Này thiện nam! Ông nói, chúng sinh nếu có Phật tánh thì sao có người thoái, người chẳng thoái? Ông hãy lắng nghe! Lắng nghe! Ta sẽ vì ông phân biệt, giảng nói. Này thiện nam! Đại Bồ-tát có mười ba pháp làm cho thoái chuyển. Những gì là mười ba? Một là tâm chẳng tin, hai là tâm bất tác, ba là tâm nghi, bốn là tham tiếc thân mạng của cải, năm là ở trong Niết-bàn sinh ra sợ hãi lớn, làm sao khiến cho chúng sinh diệt độ hoàn toàn, sáu là lòng chẳng kham nhẫn, bảy là lòng chẳng mềm mỏng, tám là sâu não, chín là chẳng vui, mười là phóng dật, mười một là tự khinh thân mình, mười hai là tự thấy phiền não, không thể hoại, mười ba là chẳng ưa tiến đến pháp Bồ-đề. Này thiện nam! Đó là mười ba pháp khiến cho các Bồ-tát thoái chuyển Bồ-đề. Lại có sáu pháp hoại tâm Bồ-đề. Những gì là sáu? Một là keo kiệt pháp, hai là đối với các chúng sinh lòng bất thiện, ba là thân cận bạn ác, bốn là chẳng siêng tinh tấn, năm là tự đại kiêu mạn, sáu là kinh doanh nghề nghiệp thế gian. Sáu pháp như vậy có thể phá hoại tâm Bồ-đề. Này thiện nam! Có người được nghe chư Phật Thế Tôn là thầy của hàng trời, người, ở trong chúng sinh là bậc Tối Thượng Vô Tỷ, vượt hơn Thanh văn, Phật-bích-chi v.v... pháp nhãn sáng tỏ, thấy pháp không ngăn ngại, có thể độ chúng sinh qua biển khổ lớn. Nghe rồi liền lại phát đại thệ nguyện: “Như thế gian

có người như vậy thì ta cũng sẽ được”. Do nhân duyên ấy mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Hoặc lại có người được sự dạy bảo của người khác mà phát tâm Bồ-đề. Hoặc nghe Bồ-tát qua vô số kiếp tu hành khổ hạnh, người ấy suy nghĩ: “Ta nay chẳng kham được những hạnh khổ như vậy thì làm sao có thể được”. Vậy nên thoái lui. Nay thiện nam! Lại có năm pháp làm thoái tâm Bồ-đề. Những gì là năm? Một là ưa theo ngoại đạo xuất gia, hai là chẳng tu tâm đại từ, ba là ưa cầu tìm lỗi của pháp sư, bốn là thường ưa ở tại sinh tử, năm là chẳng thích thọ trì, đọc tụng, ghi chép, giảng nói mười hai bộ loại kinh điển. Đó gọi là năm pháp thoái tâm Bồ-đề. Lại có hai pháp thoái tâm Bồ-đề. Những gì là hai? Một là tham ưa năm dục, hai là chẳng thể cung kính tôn trọng Tam bảo. Do những nhân duyên như vậy nên thoái tâm Bồ-đề.

Sao gọi là tâm chẳng thoái? Có người nghe Phật có thể độ sinh, già, bệnh, chết của chúng sinh, chẳng theo thầy học hỏi mà tự nhiên tu tập được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, rồi nghĩ: “Nếu đạo Bồ-đề là có thể được thì ta sẽ tu tập nhất định làm cho được”. Do nhân duyên này nên phát tâm Bồ-đề. Công đức tạo được hoặc nhiều hay ít đều đem hồi hướng về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Người đó khởi thệ nguyện: “Nguyện cho tôi thường được gần gũi chư Phật và đệ tử của Phật, thường nghe pháp thâm diệu, năm căn đầy đủ, nếu gặp khổ nạn, chẳng mất tâm này”. Lại nguyện: “Chư Phật và đệ tử của Phật thường ở chỗ tôi sinh tâm hoan hỷ, đủ năm căn lành. Nếu các chúng sinh chặt thân tôi, chém đứt tay chân đầu mắt, chi tiết thì tôi sẽ đối với người này sinh tâm đại từ, tự mừng vui sâu sắc. Những người như vậy đã vì tôi làm tăng trưởng nhân duyên Bồ-đề. Nếu không có người này thì tôi sẽ nhờ duyên gì mà được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. Lại phát nguyện: “Chớ khiến cho tôi bị không căn, hai căn và thân nữ nhân, chẳng bị hệ thuộc người, chẳng gặp người chủ ác, chẳng thuộc về vua ác, chẳng sinh vào nước ác. Nếu được thân đẹp, dòng họ chân chánh, có nhiều của báu thì chẳng sinh ra kiêu mạn, nguyện khiến cho tôi thường được nghe mười hai bộ loại kinh điển và thọ trì, đọc tụng, ghi chép, giảng nói. Nếu vì chúng sinh diễn nói thì nguyện khiến cho

người nghe thọ kính tin không nghi hoặc, thường ở chỗ của tôi chẳng sinh ra tâm ác. Tôi thà nghe ít mà lý giải được nghĩa vị nhiều, chẳng cần nghe nhiều mà đối với nghĩa chẳng rõ. Nguyên làm thầy của tâm, chẳng học theo tâm. Nghiệp thân, miệng, ý chẳng cùng với ác giao du. Có thể ban cho tất cả chúng sinh niềm an lạc. Thân giới, tâm tuệ chẳng động như núi. Vì muốn thọ trì chánh pháp vô thượng, đối với thân mạng của cải chẳng sinh lòng keo kiệt. Chẳng dùng vật bất tịnh làm phước. Tự sinh sống bằng chánh mạng, lòng không tà vạy, dua nịnh. Thọ ơn luôn nghĩ: ơn nhỏ phải báo đền lớn. Giải biết nghề khéo trong đời. Khéo hiểu lời nói phương tục của chúng sinh. Đọc tụng, ghi chép mười hai bộ kinh điển chẳng sinh lòng lười biếng. Nếu các chúng sinh chẳng ưa lắng nghe thì dùng phương tiện tiếp dẫn khiến cho họ thích nghe. Lời nói thường mềm mỏng, miệng chẳng phát ra điều ác. Chúng chẳng hòa hợp có thể làm cho hòa hợp. Có người lo sợ thì làm sao lìa khỏi lo sợ. Đời đời kém thì khiến cho được giàu có no đủ. Đời dịch bệnh thì làm đại y vương với thuốc bệnh cần dùng, của cải, vật báu v.v... khiến cho tật bệnh đều được trừ khỏi. Ở kiếp đao binh thì có thế lực lớn đoạn dứt sự tàn hại, khiến cho không còn nữa. Có thể đoạn diệt đủ thứ sự sợ hãi của chúng sinh như là: sợ chết, giam cầm, trói buộc, đánh đập, ném, nước, lửa, giặc, vua, nghèo cùng, phá giới, danh ác, đạo ác v.v... những việc kinh sợ như vậy đều sẽ đoạn trừ hết. Đối với cha mẹ, sư trưởng tâm rất cung kính. Ở trong oán ghét phát sinh lòng đại từ. Thường tu môn Tam-muội sáu niệm không, sự sinh diệt của mười hai nhân duyên v.v... Quán hơi thở ra vào, tu tập Thiên hạnh, Phạm hạnh và Thánh hạnh, Tam-muội Kim cương, định Thủ-lăng-nghiêm v.v... Ở chỗ không có Tam bảo thì khiến cho tâm được tịch tĩnh. Nếu khi thân tâm chịu khổ lớn vẫn không mất tâm Bồ-đề vô thượng, không vì tâm Thanh văn, Phật-bích-chi mà sinh ra tri túc. Ở chỗ không có Tam bảo, thường ở trong pháp ngoại đạo xuất gia nhưng vì phá tà kiến nên chẳng tu tập đạo ấy, mong được pháp tự tại, được tâm tự tại. Đối với pháp hữu vi thấy lỗi rõ ràng khiến cho tôi kính sợ đạo quả Nhị thừa như người tiếc mạng sống kính sợ xả thân. Vì chúng sinh nên ưa ở ba đường ác như chúng sinh ưa cõi trời Đạo-lợi. Vì mọi

người mà ở vô lượng kiếp thọ khổ địa ngục lòng không hề sinh hối hận. Thấy người khác được lợi chẳng sinh lòng ganh ghét, thường sinh vui mừng như tự mình được niềm vui. Nếu gặp Tam bảo thì sẽ dùng y phục, ẩm thực, ngọc cụ, nhà cửa, thuốc men, đèn sáng, hoa hương, kỹ nhạc, cờ phướn, lọng báu, bầy báu cúng dường. Nếu thọ giới cấm của Phật thì kiên cố hộ trì nhất định chẳng sinh tư tưởng hủy phạm. Nếu nghe hạnh khổ khó làm của Bồ-tát thì lòng vui mừng chẳng sinh hối hận. Tự biết được việc đời trước nhất định chẳng tạo tác nghiệp tham, sân, si, chẳng vì quả báo mà tu tập nhân duyên. Đối với niềm vui hiện tại chẳng sinh lòng tham đắm. Đây thiện nam! Nếu có người có thể phát nguyện như vậy thì đó gọi là Bồ-tát chẳng bao giờ thoái mất tâm Bồ-đề, cũng gọi là thí chủ, có thể thấy Phật ánh sáng tỏ của Như Lai, có thể điều phục chúng sinh, độ thoát sinh tử, khéo có thể hộ trì chánh pháp vô thượng, có thể được đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật. Đây thiện nam! Do nghĩa này nên tâm chẳng thoái chẳng gọi là Phật tánh.

Này thiện nam! Ông chẳng thể căn cứ vào tâm có thoái chuyển mà nói rằng các chúng sinh không có Phật tánh. Ví như hai người đều nghe ở phương khác có núi bảy báu, núi ấy có dòng suối trong, vị ngon ngọt. Người có thể đến đó thì đoạn dứt vĩnh viễn sự nghèo cùng và uống nước suối ấy thì tăng tuổi thọ vạn năm. Nhưng chỉ có điều là đường đi xa xôi, hiểm trở nhiều khó khăn. Khi ấy, hai người kia đều muốn cùng chung đi đến đó. Một người thì trang bị đủ thứ đồ đi đường, còn một người thì đi tay không, không mang theo thứ gì cả. Trên đường cùng nhau tiến về phía trước, họ gặp một người mang theo nhiều của báu, đầy đủ bảy thứ trân quý. Hai người liền hỏi trước: “Thưa ông! Cõi đó thật có núi bảy báu sao?”. Người kia đáp: “Thật có chẳng hư dối. Ta đã thu hoạch được của báu, đã uống nước dòng suối ấy. Nhưng chỉ lo đường đi hiểm trở, có nhiều đạo tặc, cát sỏi, gai nhọn, thiếu thốn nước cỏ. Người đi đến có hàng ngàn vạn mà người đạt được rất ít”. Nghe việc đó rồi, một người liền hối hận, mà nói: “Đường đi xa xôi, gian nan chẳng phải một, người đi đến nhiều không lường mà người đạt được không bao nhiêu, thì ta làm sao có thể đến đó được? Sản nghiệp của ta hôm nay tự cung cấp đủ. Nếu ta

lặn lội trên con đường ấy, hoặc mất thân mạng mà thân mạng chẳng toàn thì trường thọ chỗ nào?”. Một người lại nói: “Có người có thể qua thì ta cũng có thể qua được. Nếu kết quả đạt được thì ta được đúng như nguyện, thu lấy châu báu, uống nước suối ngọt. Như nguyện ấy chẳng đạt thì dù chết cũng thỏa nguyện”. Lúc đó, hai người, một người thì hối hận thoái lui, một người thì nhắm đường trước tiến tới. Đi đến núi đó, người này thu hoạch được nhiều châu báu. Đúng như nguyện, người này uống nước suối, mang theo nhiều châu báu trở về chỗ ở của mình để phụng dưỡng cha mẹ, cung cấp cho bà con. Người hối hận trở về thấy việc này rồi thì nóng ruột, nghĩ: “Người kia đi đã trở về thì ta làm sao ở yên được?”. Người đó liền trang bị đồ đi đường rồi ra đi. Núi bảy báu là ví cho Đại Niết-bàn. Nước ngon ngọt là ví cho Phật tánh. Hai người ấy là dụ cho hai vị Bồ-tát mới phát tâm. Đường hiểm ác là ví cho sinh tử. Người gặp trên đường đi là ví cho Phật Thế Tôn. Có đạo tặc là dụ cho bốn ma. Cát sỏi, gai nhọn là dụ cho các phiền não. Không nước cỏ là dụ cho chẳng tu tập đạo Bồ-đề. Một người trở về là dụ cho Bồ-tát thoái chuyển. Người đi thẳng đến là dụ cho Bồ-tát chẳng thoái chuyển. Này thiện nam! Phật tánh của chúng sinh thường trụ bất biến. Còn con đường hiểm kia chẳng thể nói rằng, do người hối hận quay trở lại nên khiến cho con đường vô thường. Phật tánh cũng vậy. Này thiện nam! Trong đạo Bồ-đề nhất định không có người thoái chuyển. Này thiện nam! Như người hối hận quay về thấy người bạn trước kia thu hoạch báu trở về giàu có tự tại, cung phụng cha mẹ, cung cấp đủ cho bà con, thụ hưởng nhiều vui sướng, thấy việc này rồi, nóng lòng, người này liền trang bị, rồi ra đi, chẳng tiếc thân mạng, chịu đựng gian nan, người này liền đến được núi bảy báu kia. Bồ-tát thoái chuyển cũng như vậy. Này thiện nam! Tất cả chúng sinh quyết định sẽ đắc thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do nghĩa này nên trong kinh Ta nói rằng, tất cả chúng sinh thậm chí tạo tội ngũ nghịch, phạm bốn trọng cấm và Nhất-xiển-đề đều có Phật tánh.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Bồ-tát có thoái chuyển và chẳng thoái chuyển?



–Này thiện nam! Nếu có Bồ-tát tu tập nhân duyên nghiệp của ba mươi hai tướng Như Lai thì được gọi là chẳng thoái chuyển, được gọi là Đại Bồ-tát, gọi là bậc chẳng động chuyển, gọi là bậc thương xót tất cả chúng sinh, gọi là bậc thắng tất cả Thanh văn, Duyên giác, gọi là A-bệ-bạt-trí (Bất thoái chuyển). Này thiện nam! Nếu Đại Bồ-tát trì giới chẳng động, thí tâm chẳng dời, an trụ ở thật ngữ như núi Tu-di. Do duyên nghiệp này nên được dưới chân bằng như tướng của đá hộp gương. Nếu Đại Bồ-tát ở chỗ cha mẹ, Hòa thượng, sư trưởng cho đến súc sinh dùng của cải đúng như pháp cúng dường cung cấp thì do duyên nghiệp này sẽ được thành tướng ngàn nan hoa bánh xe dưới chân.

Nếu Đại Bồ-tát chẳng sát sinh, chẳng trộm cắp, đối với cha mẹ, sư trưởng thường sinh tâm vui mừng thì do duyên nghiệp này được thành ba tướng, một là ngón tay nhỏ dài, hai là gót chân dài, ba là thân thể cân đối ngay thẳng. Ba tướng như vậy đồng một duyên nghiệp. Nếu Đại Bồ-tát tu bốn nhiếp pháp, giáo hóa chúng sinh thì do duyên nghiệp này nên được ngón tay có màn lưới như ngỗng trắng chúa. Nếu Đại Bồ-tát, khi cha mẹ, sư trưởng bị bệnh khổ mà tự tắm rửa, lau chùi, điều dưỡng, xoa bóp thì do duyên nghiệp này nên được tay chân mềm mại. Nếu Đại Bồ-tát trì giới, bố thí, nghe pháp không chán thì do duyên nghiệp này nên được đốt xương, các khớp đầy đặn, lông trên thân đẹp đẽ. Nếu Đại Bồ-tát chuyên tâm nghe pháp, diễn nói chánh giáo thì do duyên nghiệp này nên được tướng đui nai chúa. Nếu Đại Bồ-tát đối với các chúng sinh chẳng sinh lòng giết hại, ăn uống tri túc, thường ưa ban tặng, xem bệnh cấp thuốc thì do duyên nghiệp này nên được thân viên mãn như cây Ni-câu-đà, đứng lên tay quá gối, đỉnh đầu có nhục kế, không ai thấy đỉnh tướng. Nếu Đại Bồ-tát thấy người sợ hãi mà vì họ tạo sự cứu hộ, thấy kẻ không có y phục ban cho y phục thì do duyên nghiệp này nên được tướng mã âm tàng. Nếu Đại Bồ-tát thân cận người trí, xa lìa người ngu, khéo ưa hỏi đáp, quét dọn đường đi, do những duyên nghiệp này nên được da dẻ mịn màng, lông trên thân xoáy về bên phải. Nếu Đại Bồ-tát thường dùng y phục, ẩm thực, ngọa cụ, y dược, hương hoa, đèn sáng cho người thì do duyên nghiệp này nên được thân kim sắc,

thường phát ánh sáng rực rỡ. Nếu Đại Bồ-tát khi hành thí, vật châu báu có thể xả bỏ chẳng tiếc nuối, chẳng cần quan sát là phước điền hay chẳng phải phước điền thì do duyên nghiệp này nên được tướng bảy chỗ đầy đặn. Nếu Đại Bồ-tát, khi bố thí mà lòng chẳng sinh nghi ngờ thì do duyên nghiệp nên được âm thanh êm dịu. Nếu Đại Bồ-tát theo đúng như pháp tìm cầu của cải rồi đem dùng bố thí thì do duyên nghiệp này nên chỗ xương khuyết được đầy đủ, thân phần trên như sư tử, cánh tay thon dài. Nếu Bồ-tát xa lìa lưỡng thiệt, ác khẩu, tâm sân giận thì do duyên nghiệp này nên được bốn mươi cái răng trắng, sạch, bằng và kín. Nếu Đại Bồ-tát đối với các chúng sinh tu đại từ bi thì do duyên nghiệp này nên được tướng hai răng. Nếu Đại Bồ-tát thường khởi lời nguyện này, có người đến cầu xin, cấp cho theo ý thì do duyên nghiệp này nên được tướng hai má sư tử. Nếu Đại Bồ-tát tùy theo sự ăn uống cần dùng của chúng sinh mà đều ban cho cả thì do duyên nghiệp này nên được thượng vị trong các vị ngon. Nếu Đại Bồ-tát tự tu mười điều thiện, kiêm giáo hóa cho người thì do duyên nghiệp này nên được tướng lưỡi rộng dài. Nếu Đại Bồ-tát chẳng nói lên sở đoản của người khác, chẳng bài báng chánh pháp thì do duyên nghiệp này nên được âm thanh của trời Phạm. Nếu Đại Bồ-tát thấy các điều oán ghét mà sinh tâm vui mừng thì do duyên nghiệp này nên được lông mi màu xanh biếc. Nếu Đại Bồ-tát chẳng che giấu đức của người khác mà xưng dương cái tốt của họ thì do duyên nghiệp này nên được tướng bạch hào. Nay thiện nam! Khi Đại Bồ-tát tu tập nhân duyên nghiệp của ba mươi hai tướng thì được tâm Bồ-đề bất thoái.

Nay thiện nam! Tất cả chúng sinh chẳng thể nghĩ bàn, cảnh giới của chư Phật, nghiệp quả và Phật tánh cũng chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì bốn pháp như vậy đều là thường, mà do thường này nên chẳng thể nghĩ bàn. Tất cả chúng sinh bị phiền não ngăn che nên gọi là thường, vì đoạn dứt phiền não thường nên gọi là vô thường. Nếu nói, tất cả chúng sinh thường thì vì sao tu tập tám Thánh đạo phận để đoạn được mọi khổ. Mọi sự khổ nếu đoạn thì gọi là vô thường. Niềm vui đã thọ thì gọi là thường. Vậy nên ta nói rằng tất cả chúng sinh bị phiền não ngăn che, chẳng thấy Phật tánh, mà do chẳng thấy nên

chẳng được Niết-bàn.

